SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM **BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 380 /YDCT-PHCN	*Kon Tum, ngày 21 tháng 5 năm 2024*

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Kon Tum

Tên cơ sở công bố: **BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TỈNH KON TUM.**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:

- Cơ sở 1: 359/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Kon Tum cấp ngày 11/08/2023.
- Cơ sở 2: 360/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Kon Tum cấp ngày 08/08/2023.

Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Số 473 Nguyễn Huệ - Phường Thống Nhất - Tp. Kon Tum - T. Kon Tum.
- Cơ sở 2: Đường Đồng Nai - Xã Chư H'Reng - Tp. Kon Tum - T. Kon Tum.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn:

- Cơ sở 1: BS CKI. Phạm Thị Huệ.
- Cơ sở 2: BS CKI. Lâm Văn Lênh.

Điện thoại liên hệ: 0935.873.202. Email: kehoachydct.phcnkt@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

Stt	Đối tượng hướng dẫn thực hành	Thời gian thực hành
1	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	12 tháng
2	Y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền	9 tháng
3	Kỹ thuật viên y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng	6 tháng
4	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa	6 tháng

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: *Danh mục người hướng dẫn thực hành - Phụ lục kèm theo.*

3. Các nội dung hướng dẫn thực hành được ký kết hợp đồng, hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

Stt	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sĩ YHCT	40
2	Y sĩ YHCT	20
3	Điều dưỡng đại học, cao đẳng, trung học	20
4	Kỹ thuật viên y (PHCN)	15

5. Chi phí hướng dẫn thực hành[1]:

Stt	Đối tượng thực hành	Chi phí thực hành
1	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	1.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 12.000.000đ/1HV
2	Y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền	1.000.000đ/tháng/1HV x 9 tháng = 9.000.000đ/1HV
3	Kỹ thuật viên y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng	1.000.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 6.000.000đ/1HV
4	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề điều dưỡng đa khoa	1.000.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 6.000.000đ/1HV

Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo bản công bố:

- Phụ lục: Danh sách người hướng dẫn thực hành.
- Chương trình thực hành Bác sĩ, Y sĩ chuyên ngành y học cổ truyền; Điều dưỡng, Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng để cấp chứng chỉ hành nghề.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc BV YDCT-PHCN;
- Các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện;
- Lưu VT, KHTH./.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Nguyễn Thanh Hà

[1] Quyết định số 371/QĐ-YDCT-PHCN, ngày 17/5/2024 của Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng về việc công khai giá thu phí hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum.

Phụ lục

DANH SÁCH
Người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum

STT	Họ và tên	Chức danh	Số Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn
1	Lâm Văn Lênh	Bs CKI YHCT	000047/KT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
2	Lâm Văn Du	Bs CKI YHCT	000203/KT - CCHN	
3	Nguyễn Thị Lâm Vinh	Bs CKI YHCT	001894/KT-CCHN	
4	Trần Thị Huyền	Bs YHCT	860/KT-CCHN	
5	Đặng Thị Thu Trang	Bs YHCT	2370/KT-CCHN	
6	Nguyễn Thị Minh Hương	Bs YHCT	2397/KT-CCHN	
7	Nguyễn Thị Hoài	Bs YHCT	2554/KT-CCHN	
8	Hoàng Nam	Bs YHCT	2555/KT-CCHN	
9	Nguyễn Thị Thủy	Ys YHCT	000200/KT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
10	Nguyễn Thị Bảy	Ys YHCT	001620/KT-CCHN	
11	Y Lan Hiệp	Ys YHCT	001895/KT-CCHN	
12	Đinh Thị Nga	Ys YHCT	001370/KT - CCHN	
13	Phạm Thị Huệ	Bs CKI PHCN	001367/KT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa phục hồi chức năng
14	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bs CKI PHCN	001897/KT-CCHN	
15	Huỳnh Nhân Ái	Bs CKI PHCN	'000534/KT-CCHN	
16	Lê Thị Quỳnh Vân	KTV PHCN	000515/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật về Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu
17	Nguyễn Thị Nga	KTV PHCN	000001/KT-CCHN	
18	Chung Thị Thuần	KTV PHCN	001487/KT - CCHN	
19	Nguyễn Thị Hoài Trâm	Cử nhân ĐD	000533/KT-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuât y
20	Bùi Thị Hoa	Cử nhân ĐD	002048/KT-CCHN	
21	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Cử nhân ĐD	2538/KT-CCHN	
22	Nguyễn Thị Ngọt	Cử nhân ĐD	001368/KT - CCHN	
23	Nguyễn Thị Thu Minh	Cử nhân ĐD	000204/KT - CCHN	
24	Bùi Thị Quý	Cử nhân ĐD	000531/KT-CCHN	
25	Phạm Thị Bích Thủy	Cử nhân ĐD	000527/KT-CCHN	
26	Nguyễn Thị Hải	Cử nhân ĐD	000520/KT-CCHN	
27	Lê Thị Huệ	Cử nhân ĐD	000524/KT-CCHN	
28	Hoàng Thị Hiền	Cử nhân ĐD	000521/KT-CCHN	
29	Nguyễn Thị Thùy Trinh	Cử nhân ĐD	000522/KT-CCHN	
30	Lê Thị Dung	Cử nhân ĐD	000514/KT-CCHN	
31	Lê Thị Loan	Cử nhân ĐD	000525/KT-CCHN	
32	Nguyễn Hoàng Thạch	Cử nhân ĐD	2524/KT-CCHN	
33	Trần Thị Nữ Trinh	Cử nhân ĐD	001971/KT - CCHN	
34	Nguyễn Thị Xuân	Cử nhân ĐD	002071/KT-CCHN	

STT	Họ và tên	Chức danh	Số Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn
35	Lê Văn Phẩm	Cử nhân ĐD	001883/KT-CCHN	
36	Hồ Thị Thơ	Cử nhân ĐD	000532/KT-CCHN	

Ghi chú: Tại cùng một thời điểm, một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn không quá 05 người.

CHƯƠNG TRÌNH

Nội dung thực hành đối với Bác sĩ chuyên ngành y học cổ truyền

I. Đối tượng, thời gian và địa điểm tổ chức thực hành:

1. Đối tượng:

Bác sĩ chuyên ngành y học cổ truyền

2. Thời gian và địa điểm tổ chức thực hành: 12 tháng

- Tại Khoa Khám bệnh đa khoa - HSCC - CĐ: 03 tháng
- Tại Khoa Nội TH-AD-Nhi: 06 tháng
- Tại Khoa Dược - VTTBYT: 03 tháng

II. Mục tiêu thực hành:

Sau khi thực hành 12 tháng, Bác sĩ chuyên ngành y học cổ truyền cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp bằng phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc của y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

- Hiểu biết và nhận biết dược liệu, thuốc dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thường dùng trong điều trị.

2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh y học cổ truyền (tứ chẩn, bát cương, bát pháp) để kê đơn và điều trị.

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh y học hiện đại để phát hiện triệu chứng, đưa ra chẩn đoán xác định.

- Xử lý ban đầu được một số bệnh cấp cứu.

- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản của y học cổ truyền.

- Kê đơn thuốc y học cổ truyền theo đối pháp lập phương.

- Kê đơn thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; kết hợp thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền với thuốc hóa dược.

- Thực hiện kỹ thuật không dùng thuốc như xoa bóp, châm cứu, bấm huyệt....

3. Thái độ:

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

III. Nội dung thực hành

1. Kết cấu nội dung: Bao gồm các phần sau:

+ Hồi sức cấp cứu: 03 tháng.

+ Bệnh học và các phương pháp không dùng thuốc: 06 tháng.

+ Dược cổ truyền: 03 tháng.

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục VI, Thông tư số 32/2023/TT-BYT, ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. **Theo phác đồ bệnh học** *(Ban hành kèm theo Quyết định số 5013/QĐ-BYT ngày 01/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

- Đau cột sống thắt lưng (Yêu thống)
- Thoái hóa khớp gối (Hạc tất phong)
- Gout (Thống phong)
- Viêm khớp dạng thấp (Chứng tý)
- Hội chứng cổ vai cánh tay (Chứng tý)
- Tăng huyết áp vô căn (Huyễn vựng)
- Rối loạn chuyển hóa lipoprotein và tình trạng tăng lipid máu khác (Chứng đàm)
- Bệnh dây thần kinh mặt (Khẩu nhãn oa tà)
- Đau dây thần kinh liên sườn (Hiếp thống)
- Đau thần kinh tọa (Yêu cước thống)
- Di chứng nhồi máu não (Bán thân bất toại)
- Bại não trẻ em (Ngũ trì)
- Di chứng viêm não do virus (Ôn bệnh)
- Suy dinh dưỡng thể marasmus (Cam tích)
- Viêm dạ dày và tá tràng (Vị quản thống)
- Viêm gan virus mạn (Hiếp thống)

- Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) (Khái suyễn)
- Mày đay (Ẩn chẩn)
- Bí đái cơ năng (Long bế)
- Bệnh trĩ (Hạ trĩ)

3. Danh mục bệnh học: Trong quá trình thực hành bệnh học và phương pháp không dùng thuốc cần chú trọng những bệnh sau:

TT	Nhóm bệnh	STT	Bệnh
I	**Hồi sức cấp cứu**		
		1.	Hôn mê
		2.	Sốc phản vệ
		3.	Ngộ độc cấp
		4.	Suy tim cấp
		5.	Cơn đau thắt ngực
		6.	Ngừng tim (ngừng tuần hoàn)
		7.	Nhồi máu cơ tim cấp
		8.	Cơn tăng huyết áp
		9.	Cơn hen phế quản nặng
		10.	Phù phổi cấp
		11.	Suy hô hấp cấp
		12.	Xuất huyết tiêu hóa
		13.	Thùng tạng rỗng
		14.	Rối loạn nước điện giải
		15.	Sốt xuất huyết
II	**Hệ hô hấp**		
		16.	Viêm mũi xoang
		17.	Viêm họng cấp, mạn
		18.	Viêm phế quản
		19.	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
		20.	Viêm phổi tắc nghẽn
		21.	Hen phế quản
III	**Hệ tuần hoàn**		
		22.	Thiếu máu cơ tim
		23.	Tăng huyết áp
		24.	Bệnh động mạch chi dưới
		25.	Tai biến mạch máu não

TT	Nhóm bệnh	STT	Bệnh
IV	**Hệ tiêu hóa**		
		26.	Hội chứng lỵ
		27.	Hội chứng ruột kích thích
		28.	Viêm gan cấp, mạn
		29.	Ung thư gan
		30.	Xơ gan
		31.	Viêm dạ dày
		32.	Loét dạ dày - hành tá tràng
		33.	Viêm đại tràng cấp, mạn
		34.	Sỏi mật
		35.	Trĩ nội
		36.	Trĩ ngoại
		37.	Trĩ hỗn hợp
		38.	Nứt kẽ hậu môn
V	**Hệ Nội tiết**		
		39.	Bệnh đái tháo đường
		40.	Suy tuyến giáp
		41.	Bệnh Basedow
VI	**Hệ tiết niệu**		
		42.	Sỏi tiết niệu
		43.	Viêm đường tiết niệu
		44.	Viêm cầu thận cấp, mạn
		45.	Suy thận
		46.	Hội chứng thận hư
VII	**Khớp - xương - thần kinh**		
		47.	Liệt nửa người
		48.	Tai biến mạch máu não
		49.	Di chứng viêm não
		50.	Rối loạn thần kinh thực vật
		51.	Viêm rễ, dây đám rối thần kinh
		52.	Viêm đa dây thần kinh
		53.	Hội chứng thắt lưng - hông
		54.	Suy nhược thần kinh
		55.	Loãng xương
		56.	Viêm khớp dạng thấp

TT	Nhóm bệnh	STT	Bệnh
		57.	Thoái hóa khớp
		58.	Hội chứng cổ - vai - tay
		59.	Gút
		60.	Liệt dây TK VII ngoại biên
		61.	Liệt dây TK số V
VIII	**Da liễu**		
		62.	Mề đay
		63.	Vẩy nến
		64.	Viêm da cơ địa
		65.	Bệnh zona thần kinh
IX	**Nhi khoa**		
		66.	Đái dầm
		67.	Còi xương trẻ em
		68.	Bại não
		69.	Sốt phát ban
		70.	Thủy đậu
		71.	Bệnh chân tay miệng
X	**Bệnh khác**		
		72.	Suy nhược cơ thể
		73.	Rối loạn kinh nguyệt
		74.	Động thai
		75.	Tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt
		76.	U xơ tử cung
		77.	Rối loạn tiền mãn kinh

4. Dược cổ truyền:

STT	NỘI DUNG
1	Nhận biết cách bào chế các vị thuốc y học cổ truyền
2	Nhận biết các dụng cụ bào chế và cách sử dụng các phụ liệu trong bào chế thuốc cổ truyền: Kỹ thuật sơ chế thuốc, Kỹ thuật sao trực tiếp
3	Kỹ thuật sao gián tiếp, kỹ thuật sao có phụ liệu
4	Kỹ thuật bào chế các vị thuốc cổ truyền: Thục địa, Hà thủ ô, Bán hạ chế
5	Kỹ thuật bào chế các vị thuốc có độc tính của y học cổ truyền: Mã tiền, Phụ tử chế, Bạch phụ tử

5. Tiêu chuẩn và trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành

5.1. Tiêu chuẩn

- Có chứng chỉ hành nghề Bác sĩ YHCT.

- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành, có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành.

- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 3 năm trở lên.

5.2. Trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành

- Hướng dẫn thực hành cho người thực hành.

- Nhận xét về kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Thực hiện kế hoạch hướng dẫn điều dưỡng viên mới theo Kế hoạch đào tạo của cơ sở khám bênh, chữa bệnh.

6. Tổ chức tiếp nhận học viên

- Tiếp nhận người thực hành: Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành và bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn liên quan gửi đến bệnh viện, nơi đăng ký thực hành; Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, nếu đồng ý tiếp nhận, người đứng đầu của cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm ký hợp đồng thực hành với người thực hành.

- Phân công người hướng dẫn thực hành: Người đứng đầu bệnh viện ra quyết định phân công người hướng dẫn thực hành. Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa là 5 người thực hành trong cùng một thời điểm.

IV. Kiểm tra và xác nhận quá trình thực hành:

Sau khi thực hành, Bệnh viện tổ chức đánh giá quá trình thực hành và xác nhận thực hành theo mẫu ban hành tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hành đối với Y sĩ chuyên ngành y học cổ truyền, Y sĩ định hướng y học cổ truyền để cấp Chứng chỉ hành nghề

I. Đối tượng, thời gian và địa điểm tổ chức thực hành:

1. Đối tượng:

Y sĩ chuyên ngành y học cổ truyền, Y sĩ định hướng y học cổ truyền.

2. Thời gian và địa điểm tổ chức thực hành: 09 tháng

- Tại Khoa Khám bệnh đa khoa - HSCC - CĐ: 03 tháng
- Tại Khoa Nội TH-AD-Nhi: 05 tháng
- Tại Khoa Dược - VTTBYT: 01 tháng

II. Mục tiêu thực hành:

Sau khi thực hành 09 tháng, Y sĩ y học cổ truyền cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp tuyến cơ sở bằng phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc y học cổ truyền.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

- Hiểu biết và nhận biết dược liệu, thuốc dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền

2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện kỹ năng khám bệnh y học cổ truyền (tứ chẩn, bát cương, bát pháp) - để kê đơn điều trị.

- Thực hiện một số kỹ năng sơ cứu ban đầu.

- Thực hiện được kê đơn thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền và kê đơn điều trị một số bệnh cấp cứu.

- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản của y học cổ truyền thuộc tuyến 4 được quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Biết sử dụng một số cây thuốc nam thiết yếu quy định tại Thông tư số 40/2013/TT-BYT ngày 18/11/2013 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu thuốc đông y và thuốc từ dược liệu lần VI.

3. Thái độ:

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

III. Nội dung thực hành

1. Kết cấu nội dung:

- Bao gồm các phần sau:

+ Các bệnh cấp cứu: 03 tháng

+ Bệnh học và các phương pháp không dùng thuốc: 05 tháng

+ Dược cổ truyền: 01 tháng

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục XI, Thông tư số 32/2023/TT-BYT, ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Danh mục bệnh học: Trong quá trình thực hành bệnh học và phương pháp không dùng thuốc cần chú trọng những bệnh sau:

TT	Nhóm bệnh	STT	Bệnh thường gặp
I	**Các bệnh cấp cứu**		
		1.	Sốt cao, sốt cao co giật
		2.	Cơn hen phế quản nặng
		3.	Cơn tăng huyết áp
		4.	Ngừng tim (ngừng tuần hoàn)
		5.	Nhồi máu cơ tim cấp
		6.	Sốc phản vệ
		7.	Suy hô hấp cấp
		8.	Xuất huyết tiêu hóa
		9.	Say nắng, say nóng
		10.	Sốt xuất huyết
II	**Hệ hô hấp**		
		11.	Viêm mũi xoang
		12.	Viêm họng cấp, mạn
		13.	Viêm phế quản
		14.	Hen phế quản
III	**Hệ tuần hoàn**		
		15.	Tăng huyết áp
IV	**Hệ tiêu hóa**		
		16.	Hội chứng lỵ
		17.	Hội chứng ruột kích thích
		18.	Viêm gan cấp, mạn
		19.	Viêm dạ dày

TT	Nhóm bệnh	STT	Bệnh thường gặp
		20.	Loét dạ dày - hành tá tràng
		21.	Viêm đại tràng cấp, mạn
		22.	Sỏi mật
		23.	Viêm ruột thừa
V	**Hệ tiết niệu**		
		24.	Viêm đường tiết niệu
		25.	Sỏi tiết niệu
VI	**Khớp - xương - thần kinh**		
		26.	Rối loạn thần kinh thực vật
		27.	Hội chứng thắt lưng - hông
		28.	Suy nhược thần kinh
		29.	Viêm khớp dạng thấp
		30.	Thoái hóa khớp
		31.	Hội chứng cổ - vai - tay
		32.	Liệt dây TK VII ngoại biên
		33.	Liệt nửa người
		34.	Tai biến mạch máu não
		35.	Gút
VII	**Da liễu**		
		36.	Mụn nhọt
		37.	Mề đay
		38.	Vẩy nến
		39.	Viêm da cơ địa
		40.	Bệnh zona thần kinh
XIII	**Nhi khoa**		
		41.	Đái dầm
		42.	Còi xương trẻ em
		43.	Sốt phát ban
		44.	Thủy đậu
		45.	Bệnh chân tay miệng
IX	**Bệnh khác**		
		46.	Suy nhược cơ thể
		47.	Rối loạn kinh nguyệt
		48.	Động thai
		49.	Tăng sinh lành tính tiền liệt tuyến
		50.	U xơ tử cung

3. Dược cổ truyền:

TT	Năng lực cần đạt
1	Nhận biết các vị thuốc y học cổ truyền
2	Biết quy trình sơ chế, bào chế đơn giản của một số vị thuốc YHCT
3	Nhận biết và cách sử dụng một số cây thuốc nam thường dùng theo quy định 4664/QĐ-BYT ngày 7 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế

4. Tiêu chuẩn và trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành

4.1. Tiêu chuẩn

- Có chứng chỉ hành nghề Y sĩ YHCT; Bác sĩ Y học cổ truyền

- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành, có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành.

- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 3 năm trở lên.

4.2. Trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành

- Hướng dẫn thực hành cho người thực hành.

- Nhận xét về kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Thực hiện kế hoạch hướng dẫn điều dưỡng viên mới theo Kế hoạch đào tạo của cơ sở khám bênh, chữa bệnh.

5. Tổ chức tiếp nhận học viên

- Tiếp nhận người thực hành: Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành và bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn liên quan gửi đến bệnh viện, nơi đăng ký thực hành; Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, nếu đồng ý tiếp nhận, người đứng đầu của cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm ký hợp đồng thực hành với người thực hành.

- Phân công người hướng dẫn thực hành: Người đứng đầu bệnh viện ra quyết định phân công người hướng dẫn thực hành. Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa là 5 người thực hành trong cùng một thời điểm.

IV. Kiểm tra và xác nhận quá trình thực hành:

Sau khi thực hành, Bệnh viện tổ chức đánh giá quá trình thực hành và xác nhận thực hành theo mẫu ban hành tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hành đối với Điều dưỡng đa khoa, có văn bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo Điều dưỡng từ trình độ Trung cấp trở lên để cấp Chứng chỉ hành nghề

I. Đối tượng, thời gian và địa điểm tổ chức thực hành:

1. Đối tượng:

Điều dưỡng đa khoa, có văn bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo Điều dưỡng từ trình độ Trung cấp trở lên.

2. Thời gian và địa điểm tổ chức thực hành: 06 tháng:

- Tại Khoa Khám bệnh đa khoa - HSCC - CĐ: 01 tháng

- Tại Khoa Nội TH-AD-Nhi: 05 tháng

II. Mục tiêu thực hành:

Sau khi thực hành 06 tháng, Điều dưỡng đa khoa, có văn bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo Điều dưỡng từ trình độ Trung cấp trở lên cần đạt được:

1. Mục tiêu chung:

Điều dưỡng viên mới đạt được các chuẩn năng lực thiết yếu của điều dưỡng Việt Nam và có khả năng thực hành chăm sóc người bệnh một cách chủ động, an toàn, hiệu quả tại các cơ sở y tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giải thích được các bước của Quy trình điều dưỡng chuẩn năng lực (CNL: 4, 6).

- Nắm được các quy định về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sử dụng các nguồn lực chăm sóc người bệnh (CNL: 18).

- Nhận dạng được các tình huống áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh (CNL: 20.)

- Nhận dạng được các hành vi nguy cơ và các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh liên quan đến công tác điều dưỡng (CNL: 20).

- Xác định được nhu cầu tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với người bệnh và gia đình người bệnh (CNL: 11; 12; 13; 14).

- Nắm được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng trong bệnh viện (CNL: 24; 25).

3. Kiến thức:

- Năng lực chuyên môn: Chăm sóc người bệnh và thực hành kỹ thuật cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn, dựa trên bằng chứng.

- Thực hiện đầy đủ và hiệu quả các quy định về an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn khi chăm sóc người bệnh.

- Thực hành giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ với người bệnh, gia đình người bệnh; giao tiếp với đồng nghiệp, cấp trên phù hợp và hiệu quả; Có khả năng làm việc nhóm.

- Năng lực quản lý và cải tiến chất lượng chăm sóc: Tham gia cải tiến, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thuộc lĩnh vực chăm sóc được phân công.

- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên trong quá trình thực hành lâm sàng và hành nghề.

4. Kỹ năng

- Áp dụng được quy trình điều dưỡng và thực hành dựa trên bằng chứng trong chăm sóc người bệnh (khám nhận định người bệnh và xác định đúng vấn đề chăm sóc; lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch và lượng giá phù hợp với người bệnh) (CNL: 2; 3; 4; 5; 6; 10; 11; 15; 16; 17; 18; 20; 21; 22).

- Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả (CNL: 4; 5; 6; 7; 11; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 20; 21; 22; 23; 24; 25).

- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh, phản vệ, ngừng tuần hoàn, ngừng hô hấp), ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả (CNL: 9; 6; 7; 8; 16; 17; 18; 20; 21; 22).

- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện (CNL: 13; 14; 15; 17; 18; 19; 20; 21; 24; 25).

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc và báo cáo sự cố y khoa (CNL: 4; 5; 7; 14; 15; 16; 18; 20; 21; 22; 24; 25).

- Giao tiếp công sở, giao tiếp với người bệnh/GĐ người bệnh phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng; giao tiếp được với người bệnh có trở ngại (hôn mê, tâm thần, khiếm thính, khiếm thị…) (CNL: 10; 11; 12; 14).

- Cung cấp thông tin liên quan tới chăm sóc cho người bệnh/ gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời; Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh/ gia đình NB phù hợp (CNL: 10; 11; 12; 13; 14).

- Vận hành và bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định, đảm bảo an toàn hiệu quả (CNL: 18; 20).

- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án đúng quy định (CNL: 16; 17; 20).

- Hợp tác làm việc theo nhóm trong chăm sóc người bệnh (CNL: 15; 24; 25).

- Ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc người bệnh (CNL: 17).

- Áp dụng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng VN vào chăm sóc người bệnh (CNL: 23).

5. Thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp. (CNL: 24; 25).

- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp (CNL: 23).

- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ; trung thực; tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp (CNL: 24; 25).

III. Nội dung thực hành

1. Kết cấu nội dung: Bao gồm các phần sau:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 05 tháng

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục XII, Thông tư số 32/2023/TT-BYT, ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Thực hành: Cụ thể như sau:

STT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Ghi chú
2.1. Định hướng và các quy định về hành nghề điều dưỡng			
1	**Bài 1**: Giới thiệu tổ chức, quy định của bệnh viện tổ chức đào tạo; Chương trình đào tạo, phương pháp học thực hành lâm sàng đối với ĐDV mới	1. Mô tả được cơ cấu tổ chức của bệnh viện tổ chức đào tạo và nhận dạng được vị trí các khoa phòng, khu vực chuyên môn, hậu cần kỹ thuật trong bệnh viện. 2. Trình bày được các quy định của bệnh viện. 3. Trình bày được mục tiêu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng mới. 4. Trình bày được các yêu cầu và nội dung thực hành lâm sàng đối với ĐDV mới. 5. Thực hiện hiệu quả các kỹ năng, phương pháp học và tự đánh giá lâm sàng vào quá trình học thực hành, lâm sàng. 6. Viết báo cáo: nhận thức về vai trò, trách nhiệm của điều dưỡng viên mới đối với bệnh viện trong quá trình thực tập tiền hành nghề.	
2	**Bài 2**: Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam.	1. Trình bày được các nội dung Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam. 2. Áp dụng được các tiêu chuẩn/ tiêu chí của "Chuẩn năng lực..." vào thực hành chăm sóc người bệnh (CSNB). 3. Sử dụng được Bảng kiểm tự đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn năng lực cơ bản của ĐDVN.	
3	**Bài 3**: Áp dụng Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên	1. Nhận biết được các tình huống liên quan tới đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc người bệnh.	

STT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Ghi chú
	Việt Nam vào thực hành chăm sóc người bệnh	2. Áp dụng được "Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của ĐDVN" vào thực hành CSNB	
4	**Bài 4**: Các Quy định liên quan tới hành nghề Điều dưỡng và chăm sóc người bệ	1. Trình bày được các quy định về nguyên tắc hành nghề, các hành vi bị cấm trong khám chữa bệnh và thực hành CSNB. 2. Trình bày được các quy định về quyền, nghĩa vụ của người bệnh và của người hành nghề. 3. Phân tích được các nhiệm vụ và phạm vi hoạt động chuyên môn của điều dưỡng theo hạng viên chức. 4. Áp dụng và thực hiện được các quy định pháp lý, quy định của bệnh viện liên quan tới hành	
2.2 An toàn người bệnh			
5	**Bài 5**: Áp dụng Phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh	1. Trình bày được định nghĩa, nguyên tắc và các nội dung phòng ngừa chuẩn. 2. Nhận dạng được các tình huống cần áp dụng phòng ngừa chuẩn trong CSNB. 3. Thực hành đúng các quy định phòng ngừa chuẩn phù hợp với thực tế tại bệnh viện. 4. Lựa chọn và sử dụng được các phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với các tình huống CSNB. 5. Phân loại đúng chất thải rắn y tế.	
6	**Bài 6**: Phòng ngừa sự cố y khoa liên quan đến chăm sóc người bệnh	1. Trình bày được định nghĩa, tần suất và các sự cố y khoa hay gặp. 2. Phân loại được sự cố y khoa. 3. Thực hiện đúng các quy định/quy trình phòng ngừa sự cố y khoa. 4. Tự nguyện báo cáo sự cố y khoa và học tập từ thất bại.	
2.3. Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chăm sóc người bệnh			
7	**Bài 7**: Chăm sóc giảm đau.	1. Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng tới đau. 2. Sử dụng được công cụ lượng giá đau để lượng giá người bệnh. 3. Thực hiện được các phương pháp kiểm soát đau khi chăm sóc người bệnh và hướng dẫn người bệnh /gia đình NB tham gia kiểm soát đau.	
8	**Bài 8**: Áp dụng Quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh	1. Giải thích được các bước của QTĐD. 2. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của thực hành dựa trên bằng chứng; các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng vào CSNB. 3. Vận dụng được QTĐD vào lập KHCS và thực hiện chăm sóc người bệnh - phù hợp với tình trạng người bệnh và thời điểm chăm sóc. 4. Sử dụng được bằng chứng trong CSNB	
9	**Bài 9**: Đón tiếp người bệnh, chuyển viện, xuất	1. Thực hiện đúng quy trình khi tiếp đón người bệnh tại phòng khám/khoa điều trị, cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.	Thành thạo quy

STT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Ghi chú
	viện	2. Thể hiện khả năng giao tiếp phù hợp, tác phong chu đáo, tuân thủ các quy định khi đón tiếp, chuyển viện, xuất viện cho người bệnh	trình tại khoa khám và các khoa lâm sàng
10	**Bài 10**: Theo dõi dấu hiệu sinh tồn	1. Thực hiện được các kỹ thuật theo dõi mạch, nhịp thở, huyết áp, thân nhiệt đúng quy trình, phù hợp với tình trạng người bệnh. 2. Nhận định được các dấu hiệu sinh tồn bất thường và đưa ra các quyết định xử lý phù hợp. 3. Tư vấn được cho NB và GĐ cách theo dõi và chăm sóc khi dấu hiêu sinh tồn bất thường.	Thành thạo các kỹ thuật
11	**Bài 11**: Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm (máu, đờm, phân, nước tiểu)	1. Thực hiện được các kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm đúng quy trình và hiệu quả. 2. Hướng dẫn được người bệnh/gia đình NB lấy một số loại bệnh phẩm (đờm, phân, nước tiểu) theo đúng yêu cầu kỹ thuật.	Thành thạo các bước
12	**Bài 12**: Hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh	1. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về chăm sóc vệ sinh. 2. Thực hiện được các kỹ thuật vệ sinh răng miệng, tắm, gội, thay quần áo đảm bảo đúng quy trình, phù hợp với tình trạng người bệnh. 3. Hướng dẫn được người bệnh/gia đình thực hiện chăm sóc vệ sinh phù hợp với nhu cầu của người bệnh.	Thành thạo các thao tác vệ sinh trên người bệnh
13	**Bài 13**: Hỗ trợ người bệnh di chuyển	1. Nhận định người bệnh; chọn phương tiện vận chuyển phù hợp với các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển 2. Thực hiện/phối hợp thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển: đảm bảo đúng quy trình và an toàn.	Thành thạo quy trình
14	**Bài 14**: Hỗ trợ người bệnh ăn uống	1. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về áp dụng các biện pháp hỗ trợ ăn uống. 2. Thực hiện được các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh ăn/uống: đảm bảo đúng quy trình, an toàn và phù hợp với tình trạng người bệnh. 3. Hướng dẫn được gia đình người bệnh hỗ trợ người bệnh ăn/uống phù hợp với người bệnh và theo đúng yêu cầu kỹ thuật.	Thành thạo
15	**Bài 15**: Thực hành dùng thuốc cho người bệnh	1. Nhận định được người bệnh trước khi dùng thuốc. 2. Thực hiện hiệu quả, an toàn, đúng quy trình các kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, tiêm thuốc. 3. Phát hiện sớm những biểu hiện bất thường trên người bệnh khi dùng thuốc và đưa ra quyết định xử lý phù hợp.	Thành thạo quy trình dùng thuốc an toàn

STT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Ghi chú
16	**Bài 16**: Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu	1. Thực hiện đúng các nguyên tắc khi truyền dịch, truyền máu. 2. Thực hiện hiệu quả, an toàn, đúng quy trình kỹ thuật truyền dịch, truyền máu cho người bệnh. 3. Theo dõi được người bệnh trong và sau khi truyền dịch, truyền máu, phát hiện sớm những biểu hiện bất thường trên người bệnh và đưa ra quyết định xử lý phù hợp	Thành thạo quy trình
17	**Bài 17**: Theo dõi lượng dịch vào ra	1. Nhận định được người bệnh cần phải theo dõi lượng dịch vào, ra. 2. Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật theo dõi dịch vào, ra. 3. Hướng dẫn được người bệnh/ gia đình người bệnh thực hiện theo dõi dịch vào ra theo đúng yêu cầu kỹ thuật.	Thành thạo quy trình kỹ thuật
18	**Bài 18**: Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu	1. Khám nhận định và phân loại được các loại vết thương. 2. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc vết thương sạch trên người bệnh: đúng quy trình, đảm bảo an toàn.	
19	**Bài 19**: Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh	1. Khám nhận định được dấu hiệu các mức độ loét tỳ đè. 2. Sử dụng thang đo Braden để đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh. 3. Thực hiện chăm sóc loét tỳ đè độ I, II cho người bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn. 4. Hướng dẫn được người bệnh và gia đình NB chăm sóc dự phòng loét tỳ đè.	
20	**Bài 20**: Chăm sóc bài tiết	1. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về áp dụng các biện pháp chăm sóc bài tiết. 2. Thực hiện được các kỹ thuật hỗ trợ bài tiết, thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, thụt tháo: đảm bảo đúng quy trình, an toàn và phù hợp với tình trạng người bệnh. 3. Hướng dẫn được người bệnh/ gia đình sử dụng bô đại tiện, bô tiểu, sử dụng Uridom d	
2.4. Quản lý chăm sóc người bệnh			
21	**Bài 21**: Quy định về ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc	1. Trình bày được các nguyên tắc ghi chép, sử dụng, bảo quản, lưu giữ hồ sơ bệnh án và các mẫu chăm sóc người bệnh. 2. Giải thích được quyền của người bệnh được cung cấp các thông tin tóm tắt trong hồ sơ. 3. Tuân thủ đúng các nguyên tắc và quy định khi ghi chép, sử dụng, bảo quản hồ sơ người bệnh.	
22	**Bài 22**: Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim	1. Sử dụng được các máy theo dõi và chăm sóc người bệnh (monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim) đảm bảo đúng quy trình, hiệu quả, an toàn. 2. Nhận định được các dấu hiệu bất thường khi theo dõi và CSNB; đưa ra cách xử lý phù hợp.	

STT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Ghi chú
		3. Quản lý máy theo dõi và CSNB đúng quy định	
23	**Bài 23**: Quản lý thuốc và vật tư tiêu hao y tế	1. Trình bày được các quy định, quy trình quản lý thuốc dùng cho người bệnh của điều dưỡng (nhập thông tin, nhận, bàn giao, thực hiện thuốc cho NB, bảo quản, báo cáo sử dụng thuốc). 2. Trình bày được nội dung quy trình quản lý vật tư tiêu hao y tế của điều dưỡng (dự trù, lĩnh, cấp phát và bảo quản). 3. Thực hiện đúng và chịu trách nhiệm cá nhân khi quản lý thuốc và vật tư tiêu hao.	
2.5. Sơ cứu cấp cứu			
24	**Bài 24**: Đánh giá người bệnh hôn mê dựa vào thang điểm Glasgow	1. Giải thích được các bước đánh giá người bệnh theo thang điểm Glasgow. 2. Thực hiện được kỹ năng đánh giá người bệnh theo thang điểm Glasgow.	
25	**Bài 25**: Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở	1. Nhận biết được các trường hợp người bệnh cần phải hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng. 2. Thực hiện hiệu quả các kỹ thuật hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng giúp thở 3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ hô hấp.	
26	**Bài 26**: Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản	1. Phát hiện sớm nạn nhân ngừng tuần hoàn. 2. Thực hiện hiệu quả kỹ thuật cấp cứu ngừng TH; theo dõi, chăm sóc được người bệnh sau khi cấp cứu. 3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác, phối hợp hiệu quả khi cấp cứu ngừng TH.	
27	**Bài 27**: Phòng và xử trí phản vệ	1. Phát hiện sớm triệu chứng các mức độ phản vệ. 2. Thực hiện được phòng ngừa phản vệ cho người bệnh trước khi dùng thuốc. 3. Thực hiện được xử trí cấp cứu ban đầu phản vệ độ 1, 2. 4. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xá	
2.6. Giao tiếp, tư vấn và làm việc nhóm			
28	**Bài 28**: Kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc người bệnh	1. Trình bày được kỹ năng giao tiếp cơ bản và những điểm cần lưu ý trong giao tiếp của người điều dưỡng. 2. Trình bày được nội dung chủ yếu của kỹ năng thông báo tin xấu. 3. Nhận xét được các tình huống giao tiếp của điều dưỡng trong thực hành. 4. Thực hiện giao tiếp phù hợp, hiệu quả trong chăm sóc người bệnh (giao tiếp với NB/gia đình NB, với đồng nghiệp; bao gồm cả kỹ năng thông báo tin xấu)	
29	**Bài 29**: Kỹ năng truyền thông tư vấn giáo dục sức khỏe	1. Trình bày được một số điểm cơ bản về truyền thông giáo dục sức khoẻ liên quan đến hoạt động của điều dưỡng: ý nghĩa của truyền thông giáo dục sức khoẻ; các kỹ năng truyền thông; các yêu cầu làm cho truyền thông, tư vấn hiệu quả.	

STT	Tên bài	Mục tiêu bài học	Ghi chú
		2. Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tư vấn phù hợp, hiệu quả với người bệnh/gia đình người bệnh khi xuất viện. 3. Thể hiện sự hiểu biết về chủ đề tư vấn, giáo dục sức khoẻ; thái độ thân thiện, cởi mở, tôn trọng khi thực hiện tư vấn giáo dục sức khoẻ.	
30	**Bài 30**: Kỹ năng làm việc nhóm trong chăm sóc y tế	1. Trình bày được 6 lợi ích của làm việc nhóm trong chăm sóc sức khỏe. 2. Phân tích được 4 giai đoạn hình thành và phát triển nhóm. 3. Thảo luận các biện pháp tăng cường hiệu quả nhóm.	

Ghi chú: Thời gian thực hành tại khoa lâm sàng. Người hướng dẫn căn cứ vào năng lực đạt được của mỗi học viên và thực tế chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện để bố trí thời gian thích hợp.

3. Tài liệu

- Bộ Y tế/Dự án Tăng cường hệ thống đào tạo lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (2020).

- Chương trình đào tạo điều dưỡng viên mới. Bộ Y tế/Dự án Tăng cường hệ thống đào tạo lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (2020).

- Tài liệu đào tạo điều dưỡng viên mới. Bộ Y tế/Dự án Tăng cường hệ thống đào tạo lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (2020). Hướng dẫn tổ chức và quản lý đào tạo điều dưỡng viên mới.

4. Tiêu chuẩn và trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới.

4.1. Tiêu chuẩn

- Có chứng chỉ hành nghề điều dưỡng

- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành, có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành.

- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 3 năm trở lên.

4.2. Trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành

- Hướng dẫn thực hành cho người thực hành.

- Nhận xét về kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Thực hiện kế hoạch hướng dẫn điều dưỡng viên mới theo Kế hoạch đào tạo của cơ sở khám bênh, chữa bệnh.

5. Tổ chức tiếp nhận học viên

- Tiếp nhận người thực hành: Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành và bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn liên quan gửi đến bệnh viện, nơi đăng ký thực hành; Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, nếu đồng ý tiếp nhận, người đứng đầu của cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm ký hợp đồng thực hành với người thực hành.

- Phân công người hướng dẫn thực hành: Người đứng đầu bệnh viện ra quyết định phân công người hướng dẫn thực hành. Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa là 5 người thực hành trong cùng một thời điểm.

6. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

6.1. Phương pháp đánh giá.

Đánh giá dựa vào Bảng kiểm đánh giá năng lực theo Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam.

6.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả tại điểm 6.1 ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 109/2016/NĐ - CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh./.

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hành đối với Kỹ thuật viên phục hồi chức năng, có văn bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo Phục hồi chức năng để cấp Chứng chỉ hành nghề

I. I. Đối tượng, thời gian và địa điểm tổ chức thực hành:

1. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên: Kỹ thuật viên phục hồi chức năng (đại học, cao đẳng, trung cấp)

2. Thời gian và địa điểm tổ chức thực hành: 06 tháng:

- Tại Khoa Khám bệnh đa khoa - HSCC - CĐ: 01 tháng

- Tại Khoa Nội TH-AD-Nhi: 05 tháng

3. Giảng viên, Người hướng dẫn thực hành lâm sàng:

Bác sỹ, KTV, cử nhân Vật lý trị liệu có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực phục hồi chức năng, đáp ứng tiêu người hướng dẫn thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

II. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: Sau khóa học, kỹ thuật viên phục hồi chức năng đạt được các chuẩn năng lực thiết yếu và có khả năng thực hành Phục hồi chức năng cho người bệnh một cách chủ động, an toàn, hiệu quả tại các cơ sở y tế.

1. Mục tiêu kiến thức

1. Phân loại được bệnh tật theo ICF.

2. Trình bày được các quy định về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sử dụng các nguồn lực chăm sóc, Phục hồi chức năng cho người bệnh.

3. Nhận dạng được các tình huống áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc Phục hồi chức năng cho người bệnh.

4. Nhận dạng được các hành vi nguy cơ và các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh liên quan đến công tác Phục hồi chức năng.

5. Xác định được nhu cầu tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với người bệnh và gia đình người bệnh.

6. Trình bày được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác phục hồi chức năng trong bệnh viện.

2. Mục tiêu kỹ năng

1. Áp dụng được quy trình kỹ thuật và thực hành dựa trên bằng chứng trong Phục hồi chức năng cho người bệnh.(Khám, lượng giá , xây dựng mục tiêu, xây dựng và thực hiện kế hoạch điều trị phù hợp với người bệnh).

2. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

3. Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh, phản vệ, ngừng tuần hoàn, ngừng hô hấp), ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả.

4. Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

5. Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc, Phục hồi chức năng và báo cáo sự cố y khoa.

6. Giao tiếp công sở, giao tiếp với người bệnh/gia đình người bệnh phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng; giao tiếp được với người bệnh có trở ngại *(hôn mê, tâm thần, khiếm thính, khiếm thị...).*

7. Cung cấp thông tin liên quan tới quá trình Phục hồi chức năng cho người bệnh/ gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời; Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh/ gia đình NB phù hợp.

8. Vận hành và bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định, đảm bảo an toàn hiệu quả.

9. Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án đúng quy định.

10. Hợp tác làm việc nhóm tốt.

11. Ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác Phục hồi chức năng cho người bệnh.

12.Áp dụng được CNL cơ bản vào chăm sóc, Phục hồi chức năng cho người bệnh.

3. Mục tiêu thái độ

1. Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.

2. Hình thành được ý thức học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.

3. Hình thành được tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp, đảm bảo an toàn khi chăm sóc Phục hồi chức năng cho người bệnh, chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.

III. Chương trình chi tiết

1. Chương trình chi tiết

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
I. KIẾN THỨC CHUNG					
1.	Các nội quy, quy định các văn bản liên quan tới hành nghề	1. Trình bày được các quy định về nguyên tắc hành nghề. 2. Trình bày được các quy định về quyền, nghĩa vụ của người bệnh và của người hành nghề 3. Phân tích được các nhiệm vụ và phạm vi hoạt động chuyên môn của KTY VLTL PHCN 4. Áp dụng và thực hiện đúng các quy định pháp lý, quy định của bệnh viện liên quan tới hành nghề vào thực tế điều trị chăm sóc người bệnh	4	4	0
2.	An toàn người bệnh: Hiện trạng và giải pháp	1. Trình bày được khái niệm an toàn người bệnh và những vấn đề ưu tiên liên quan đến an toàn NB theo WHO 2. Trình bày được nguyên nhân, phân loại sự cố y khoa. 3. Trình bày được các biện pháp phòng ngừa sự cố y khoa 4. Ứng dụng phân tích và báo cáo sự cố y khoa không mong muốn theo thông tư 43/TT-BYT. 5. Trình bày được các nhóm giải pháp về kỹ thuật trong phòng ngừa sự cố y khoa. 6. Có thái độ tích cực trong báo cáo sự cố và xây dựng văn hóa an toàn người bệnh.	8	4	4
3.	Dự phòng và quản lý ngã cho người bệnh PHCN	1. Trình bày được các biện pháp phòng ngừa ngã cho NB. 2. Trình bày được các bước xử trí khi NB ngã. 3. Thực hành sử dụng thang điểm đánh giá nguy cơ ngã cho NB. 4. Tự chủ động và áp dụng bảng kiểm	4	2	2

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		đánh giá nguy cơ ngã, thực hiện các biện pháp dự phòng ngã cho NB.			
4.	Phòng ngừa chuẩn và Kiểm soát nhiễm khuẩn	1. Trình bày được định nghĩa, nguyên tắc và các nội dung Phòng ngừa chuẩn. 2. Nhận dạng được các tình huống cần áp dụng phòng ngừa chuẩn 3. Thực hành đúng các quy định Phòng ngừa chuẩn phù hợp với thực tế tại bệnh viện 4. Lựa chọn và sử dụng các phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với các tình huống trên lâm sàng. 5. Hướng dẫn được NB/GĐ NB thực hiện VS tay, sử dụng phương tiện phòng hộ và phân loại chất thải trong BV.	8	4	4
5.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn	1.Trình bày được chẩn đoán và một số nguyên nhân thường gặp gây ngừng tuần hoàn. 2.Phân tích được các bước trong cấp cứu ngừng tuần hoàn. 3. Trình bày được các chăm sóc sau cấp cứu ngừng tuần hoàn. 4. Thực hiện được các bước trong cấp cứu ngừng tuần hoàn cho NB 5. Áp dụng kiến thức, kỹ năng được học để xử lý các tình huống cấp cấp cứu người bệnh ngừng tuần hoàn.	4	2	2
6.	Xử trí phản vệ	1.Trình bày được khái niệm phản vệ, nguyên tắc dự phòng phản vệ, công tác chuẩn bị, dự phòng cấp cứu phản vệ; 2.Trình bày được các triệu chứng của phản vệ và nguyên tắc chung và phác đồ xử trí phản vệ.; 3.Nêu được thành phần hộp thuốc cấp cứu phản vệ 4.Thực hiện được khai thác tiền sử dị ứng	4	2	2

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		của người bệnh 5.Phân biệt được các mức độ phản vệ; 6.Xử trí được một số tình huống phản vệ theo các mức độ 7. Tự chủ động áp dụng kiến thức được học trong dự phòng phản vệ, xử trí cấp cứu phản vệ đúng theo hướng dẫn đảm bảo an toàn người bệnh.			
7.	Quản lý, vận hành trang thiết bị máy móc VLTL	1. Sử dụng các loại thiết bị máy móc VLTL đảm bảo đúng quy trình, hiệu quả, an toàn, 2. Nhận định được các dấu hiệu bất thường khi sử dụng thiết bị máy, đưa ra cách xử lý phù hợp. 3. Quản lý máy đúng quy định	4	4	0
8.	Tâm lý người bệnh	1.Trình bày được các đặc điểm tâm lý và các phản ứng tâm lý của người bệnh. 2.Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của người bệnh trong quá trình khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe. 3.Thể hiện được thái độ tôn trọng, cảm thông với người bệnh trong quá trình chăm sóc người bệnh	4	2	2
9.	Kỹ năng giao tiếp	1.Trình bày được nội dung đổi mới toàn diện phong cách và thái độ phục vụ của ĐD/KTY/HS hướng tới sự hài lòng của người bệnh. 2.Trình bày được các vai trò và tầm quan trọng của giao tiếp trong môi trường bệnh viện. 3.Trình bày được những kỹ năng giao tiếp cơ bản, nâng cao trong giao tiếp tại bệnh viện. 4.Sử dụng các kỹ năng và nghệ thuật trong giao tiếp với người bệnh: Sử dụng ngôn từ, tương tác tâm lý người bệnh, kỹ nang tạo	8	4	4

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		thiện cảm. 5.Tự chủ động rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, xử lý trong các tình huống đặc biệt, nhạy cảm thường xảy ra tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. 6.Tự chủ động xây dựng nền tảng văn hóa giao tiếp cho mỗi cá nhân trong môi trường bệnh viện.			
10.	Kỹ năng làm việc nhóm	1. Trình bày được các nguyên tắc, kỹ năng làm việc nhóm và vai trò của các thành viên trong nhóm chăm sóc y tế 2. Trình bày được Kỹ năng giải quyết xung đột trong nhóm? 3. Thực hành làm việc nhóm trong một số tình huống liên quan đến hoạt động của KTY 4.Thể hiện thái độ tôn trọng, lắng nghe và tích cực tham gia khi làm việc nhóm; có khả năng vận dụng kỹ năng làm việc nhóm trong thực hành chăm sóc người bệnh	4	2	2
		Tổng	**52**	**30**	**22**
II. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU					
11.	Phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật.(ICF).	1.Trình bày được: Đại cương về phân loại ICF theo tổ chức y tế thế giới WHO. 2.Tiến hành lượng giá người bệnh theo phân loại ICF.	28	2	26
12.	Đại cương vận động trị liệu.	1.Trình bày được: - Định nghĩa, mục đích, phân loại bài tập và nguyên tắc của vận động trị liệu. - Các phương pháp kiểm soát vận động và các phương pháp học vận động trị liệu. 2.Tiến hành phân loại và tập luyện các bài tập vận động trị liệu theo chỉ định.	16	2	14
13.	Một số trắc nghiệm lượng	1.Trình bày được: Đại cương về Một số trắc nghiệm lượng giá người bệnh được sử	12	2	10

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
	giá người bệnh được sử dụng trong vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng.	dụng trong vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng. 2. Tiến hành lượng giá người bệnh theo các trắc nghiệm lượng giá người bệnh đã được học			
14.	Kỹ thuật tập các kiểu thở	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập các kiểu thở - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	2	14
15.	Kỹ thuật tập ho có trợ giúp.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập ho có trợ giúp. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2.Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	08	2	06
16.	Kỹ thuật tập vỗ, rung lồng ngực	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập vỗ, rung lồng ngực. - Chỉ định, chống chỉ định và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi các tai biến và cách xử trí	08	2	06
17.	Kỹ thuật tập dẫn lưu tư thế.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập dẫn lưu tư thế. - Chỉ định, chống chỉ định và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định.	08	2	06

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		3. Theo dõi các tai biến và cách xử trí.			
18.	Kỹ thuật tập nhận thức,cảm giác,vận động, phương pháp Perfetti.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật Perfeti - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3.Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	08	2	06
19.	Kỹ thuật nằm tư thế đúng cho người bệnh liệt nửa người.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật nằm tư thế đúng cho người bệnh liệt nửa người. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3.Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
20.	Kỹ thuật dịch chuyển sớm cho người bệnh đột quỵ não.	1.Trình bày được: - Đại cương về Kỹ thuật dịch chuyển sớm cho người bệnh đột quỵ não. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	08	02	06
21.	Kỹ thuật tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước 1tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	08	02	06
22.	Kỹ thuật tập	1.Trình bày được: Đại cương về kỹ thuật	08	02	06

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
	ngồi thăng bằng tĩnh động	tập ngồi thăng bằng tĩnh động. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.			
23.	Kỹ thuật tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	08	02	06
24.	Kỹ thuật tập đứng thăng bằng tĩnh động	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập đứng thăng bằng tĩnh động. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
25.	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2.Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
26.	Kỹ thuật tập chuỗi đóng chuỗi mở	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập chuỗi đóng chuỗi mở.	16	04	12

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		- Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.			
27.	Kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng tay.	1.Trình bày được: -Đại cương về kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng tay. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
28.	Kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng chân.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng chân. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. - Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. - Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
29.	Kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng thân mình.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng thân mình. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
30.	Kỹ thuật tập điều hợp vận động.	1.Trình bày được: -Đại cương về kỹ thuật tập điều hợp vận động. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước	16	04	12

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.			
31.	Kỹ thuật tập dáng đi	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập dáng đi. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2.Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3.Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
32.	Kỹ thuật tập đi với thảm lăn (Treadmill)	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập đi với thảm lăn - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3.Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
33.	Kỹ thuật tập lên xuống cầu thang.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật tập lên xuống cầu thang. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2.Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
34.	Kỹ thuật nằm tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy.	1.Trình bày được: - Đại cương về kỹ thuật nằm tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy. - Chỉ định, Chống chỉ định, và các bước tiến hành. 2. Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định.	16	04	12

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		3.Theo dõi, các tai biến và cách xử trí.			
35.	Kỹ thuật dịch chuyển tại giường cho người bệnh liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống.	1.Trình bày được: Các kỹ thuật dịch chuyển tại giường cho người bệnh bị liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống. 2. Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật dịch chuyển tại giường cho người bệnh liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống.	16	04	12
36.	Kỹ thuật dịch chuyển tại giường cho người bệnh liệt tứ chi do tổn thương tủy sống	1.Trình bày được: Các kỹ thuật dịch chuyển tại giường cho người bệnh bị liệt tứ chi do tổn thương tủy sống. 2. Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật dịch chuyển tại giường cho người bệnh liệt tứ chi do tổn thương tủy sống.	16	04	12
37.	Kỹ thuật dịch chuyển từ giường sang xe và ngược lại cho người bệnh bị liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống	1.Trình bày được: Các kỹ thuật dịch chuyển từ giường sang xe và ngược lại cho người bệnh bị liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống. 2. Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật dịch chuyển từ giường sang xe và ngược lại cho người bệnh liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống.	16	04	12
38.	Kỹ thuật dịch chuyển từ giường sang xe và ngược lại cho người bệnh bị liệt tứ chi do tổn thương tủy sống	1.Trình bày được: Các kỹ thuật dịch chuyển từ giường sang xe và ngược lại cho người bệnh bị liệt tứ chi do tổn thương tủy sống. 2. Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật dịch chuyển từ giường sang xe và ngược lại cho người bệnh liệt tứ chi do tổn thương tủy sống..	16	04	12
39.	Kỹ thuật di chuyển với dụng cụ trợ giúp cho người bệnh bị liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống	1.Trình bày được: Các kỹ thuật di chuyển với dụng cụ trợ giúp cho người bệnh bị liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống. 2 Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật di chuyển với dụng cụ trợ giúp cho người bệnh liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống.	16	04	12

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
40.	Kỹ thuật di chuyển với dụng cụ trợ giúp cho người bệnh bị liệt tứ chi do tổn thương tủy sống	1.Trình bày được: Các kỹ thuật di chuyển với dụng cụ trợ giúp cho người bệnh bị liệt tứ chi do tổn thương tủy sống. 2. Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật di chuyển với dụng cụ trợ giúp cho người bệnh liệt tứ chi do tổn thương tủy sống	16	04	12
41.	Kỹ thuật tập theo tác vụ	1.Trình bày được; - Khái niệm về luyện tập theo tác vụ. - Nguyên tắc khi tiến hành luyện tập theo tác vụ, tác dụng và một số phạm vi áp dụng luyện tập theo tác vụ. 2. Tiến hành tập một số bài tập theo tác vụ ở vị thế nằm, ngồi, đứng và đi cho người bệnh	16	04	12
		Tổng	**440**	**100**	**340**
III.	**HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU**				
42.	Tập các vận động thô của bàn tay	1.Trình bày được: - Đại cương , chỉ định , chống chỉ định của bài tập vận động thô bàn tay - Các bước chuẩn bị và 6 bước tiến hành tập luyện trên người bệnh 2.Tiến hành theo dõi, trong và sau quá trình tập luyện. xử lý các tai biến xảy ra trong khi tập	16	04	12
43.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh…)	1.Trình bày được: - Đại cương , chỉ định , chống chỉ định của các bài tập chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) - Các bước chuẩn bị của kỹ thuật viện, dụng cụ, người bệnh, hồ sơ bệnh án và 6 bước tiến hành tập luyện trên người bệnh 2.Tiến hành theo dõi, trong và sau quá trình tập luyện. xử lý các tai biến xảy ra khi tập và sau khi tập	16	04	12
44.	Tập các chức năng sinh hoạt	1.Trình bày được:	16	04	12

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
	hàng ngày với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	- Đại cương : định nghĩa ,các loại dụng cụ hỗ trợ , chỉ định , chống chỉ định của các bài tập chức năng sinh hoạt hàng ngày với dụng cụ trợ giúp thích nghi - Các bước chuẩn bị của kỹ thuật viện, dụng cụ, người bệnh, hồ sơ bệnh án và 6 bước tiến hành tập luyện trên người bệnh 2.Tiến hành theo dõi, trong và sau quá trình tập luyện. xử lý các tai biến xảy ra khi tập và sau khi tập			
45.	Kỹ thuật tập bắt buộc tay người bệnh bên liệt (CIMT)	1.Trình bày được: - Đại cương, chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật tập bắt buộc tay người bệnh bên liệt (CIMT) - Các bước chuẩn bị và tiến hành tập luyện trên người bệnh 2.Tiến hành theo dõi , trong và sau quá trình tập luyện	16	04	12
46.	Kỹ thuật gương trị liệu	1.Trình bày được: - Đại cương, chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật gương trị liệu - Các bước chuẩn bị và tiến hành tập luyện trên người bệnh 2.Tiến hành theo dõi ,xử lý tai biến trong và sau quá trình tập luyện	16	04	12
47.	Kỹ thuật lượng giá chức năng vận động chi trên bằng thang điểm ARAT	1.Trình bày được: Nội dung, ưu điểm, nhược điểm và đối tượng sử dụng thang điểm lượng giá chức năng vận động của chi trên theo thang điểm ARAT 2. Thực hiện được các bước tiến hành lượng giá người bệnh theo thang điểm ARAT 3. Một số tai biến và cách xử lý khi lượng giá	16	04	12
48.	Kỹ thuật lượng giá chức năng	1.Trình bày được: Đại cương, chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật lượng giá chức	16	04	12

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
	vận động bàn tay bằng trắc nghiệm Hộp và Khối (Box and Block test)	năng vận động bàn tay bằng trắc nghiệm Hộp và Khối (Box and Block test) 2. Thực hiện được các bước tiến hành lượng giá người bệnh theo lượng giá chức năng vận động bàn tay bằng trắc nghiệm Hộp và Khối (Box and Block test) 3. Các lưu ý khi tiến hành lượng giá			
49.	Kỹ thuật lượng giá chức năng vận động bàn tay bằng trắc nghiệm 9 lỗ (Nine Hole Peg test)	1.Trình bày được: Đại cương, chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật lượng giá chức năng vận động bàn tay bằng trắc nghiệm 9 lỗ (Nine Hole Peg test) 2. Thực hiện được các bước chuẩn bị và tiến hành lượng giá, ghi kết quả người bệnh theo trắc nghiệm 9 lỗ (Nine Hole Peg test)	16	04	12
50.	Lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE	1.Trình bày được: Đại cương, chỉ định, chống chỉ định của bài lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE 2. Thực hiện được các bước chuẩn bị và tiến hành đánh giá , ghi chép kết quả trên người bệnh được đánh giá	16	04	12
51.	Đánh giá nhận thức bằng trắc nghiệm MoCA	1.Trình bày được: Đại cương, chỉ định, chống chỉ định của bài đánh giá nhận thức bằng trắc nghiệm MOCA 2. Thực hiện được các bước chuẩn bị và tiến hành đánh giá , ghi chép kết quả trên người bệnh được đánh giá	16	04	12
		Tổng	**160**	**40**	**120**
IV. VẬT LÝ TRỊ LIỆU PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BỆNH ĐỘT QUỴ NÃO VÀ TỔN THƯƠNG TỦY SỐNG					
52.	Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng cho người bệnh đột quỵ não	1.Trình bày được: Khái niệm về đột quỵ não, các giai đoạn và các biến chứng thường gặp sau đột quỵ. 2. Nêu được các phương pháp vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng cho người bệnh đột quỵ.	64	04	60

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		3.Thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng cho người bệnh đột quỵ.			
53.	Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương tủy sống	1.Trình bày được: Khái niệm phân loại mức độ tổn thương, các biến chứng thường gặp sau tổn thương tủy sống. 2. Nêu các phương pháp vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương tủy sống. 3. Thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương tủy sống.	64	04	60
		Tổng:	**128**	**8**	**120**
V. CÁC PHƯƠNG THỨC VẬT LÝ TRỊ LIỆU					
54.	Các bài tập vận động cho cột sống cổ và cột sống thắt lưng	1.Trình bày được: - Đại cương về cột sống. - Chỉ định, chống chỉ định và các bước tiến hành. 2.Tiến hành tập luyện cho người bệnh có chỉ định. 3. Theo dõi các tai biến và cách xử trí.	16	04	12
55.	Điều trị bằng Parafin	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của Paraphin. 2. Thực hiện được thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng Parafin.	16	04	12
56.	Điều trị bằng tia hồng ngoại	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của tia hồng ngoại. 2.Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng tia hồng ngoại.	12	02	10
57.	Điều trị bằng tia tử ngoại	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của tia tử ngoại. 2.Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật	12	02	10

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		điều trị bằng tia tử ngoại.			
58.	Điều trị bằng siêu âm	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của siêu âm trị liệu. 2. Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng siêu âm trị liệu.	16	04	12
59.	Điều trị bằng sóng ngắn	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của sóng ngắn trị liệu. 2.Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng sóng ngắn trị liệu.	16	04	12
60.	Điều trị bằng thủy trị liệu	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của thủy trị liệu. 2.Thực hiện được thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng thủy trị liệu.	12	04	08
61.	Điều trị bằng dòng điện xung	1.Trình bày được: - Khái niệm, hình thể xung của các dòng điện xung trị liệu. - Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của điện xung. 2. Thực hiện được thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng điện xung.	16	04	12
62.	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của điện phân dẫn thuốc. 2.Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	12	04	08
63.	Điều trị bằng dòng TENS	1.Trình bày được: Khái niệm, các dạng xung, chỉ định, chống chỉ định và tác dụng của dòng TENS 2.Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng dòng TENS	16	04	12
64.	Điều trị bằng điện từ trường	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của điện	16	04	12

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU	SỐ TIẾT		
			Tổng	LT	TH
		từ trường 2. Thực hiện được thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng điện từ trường			
65.	Điều trị bằng dòng giao thoa	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của dòng giao thoa. 2. Thực hiện được thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị bằng dòng giao thoa.	16	04	12
66.	Kỹ thuật kéo giãn cột sống cổ và cột sống thắt lưng bằng máy	1.Trình bày được: Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của kéo giãn cột sống bằng máy. 2.Thực hiện được thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị kéo giãn cột sống bằng máy.	16	04	12
		Tổng	**192**	**48**	**144**
VI. ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ					
67.	Ôn tập, viết báo cáo		80	0	80
68.	Khai giảng, bế giảng, Kiểm tra và đánh giá		16	0	16
		Tổng:	**96**	**0**	**96**
Tổng:			**1068**	**226**	**842**

2. Chỉ tiêu thực hành

TT	Tên thủ thuật, kỹ thuật	Chỉ tiêu thực hành (số lượng tối thiểu)		
		Quan sát	Trợ giúp	Tự làm dưới sự hướng dẫn
1.	Làm bệnh án theo Phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật (ICF).	10	10	10
2.	Đại cương vận động trị liệu.	10	05	05
3.	Một số trắc nghiệm lượng giá người bệnh được sử dụng trong vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng.	10	10	10
4.	Kỹ thuật tập các kiểu thở	10	05	05
5.	Kỹ thuật tập ho có trợ giúp.	10	05	05

TT	Tên thủ thuật, kỹ thuật	Chỉ tiêu thực hành (số lượng tối thiểu)		
		Quan sát	Trợ giúp	Tự làm dưới sự hướng dẫn
6.	Kỹ thuật tập vỗ, rung lồng ngực	10	10	05
7.	Kỹ thuật tập dẫn lưu tư thế.	10	05	05
8.	Kỹ thuật tập nhận thức,cảm giác,vận động, phương pháp Perfetti.	10	05	05
9.	Kỹ thuật nằm tư thế đúng cho người bệnh liệt nửa người.	10	05	05
10.	Kỹ thuật dịch chuyển sớm cho người bệnh đột quỵ não.	10	05	05
11.	Kỹ thuật tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi.	10	05	05
12.	Kỹ thuật tập ngồi thăng bằng tĩnh động	10	05	05
13.	Kỹ thuật tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	10	05	05
14.	Kỹ thuật tập đứng thăng bằng tĩnh động	10	05	05
15.	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người.	10	05	05
16.	Kỹ thuật tập chuỗi đóng chuỗi mở	10	05	05
17.	Kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng tay.	10	05	05
18.	Kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng chân.	10	05	05
19.	Kỹ thuật tập ức chế mẫu co cứng thân mình.	10	05	05
20.	Kỹ thuật tập điều hợp vận động.	10	05	05
21.	Kỹ thuật tập dáng đi	10	05	05
22.	Kỹ thuật tập đi với thảm lăn treadmill	10	05	05
23.	Kỹ thuật tập lên xuống cầu thang.	10	05	05
24.	Kỹ thuật nằm tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy.	10	05	05
25.	Kỹ thuật dịch chuyển tại giường cho người bệnh liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống.	10	05	05
26.	Kỹ thuật dịch chuyển tại giường cho người bệnh liệt tứ chi do tổn thương tủy	10	05	05

TT	Tên thủ thuật, kỹ thuật	Chỉ tiêu thực hành (số lượng tối thiểu)		
		Quan sát	Trợ giúp	Tự làm dưới sự hướng dẫn
	sống			
27.	Kỹ thuật dịch chuyển từ giường sang xe và ngược lại cho người bệnh bị liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống	10	05	05
28.	Kỹ thuật dịch chuyển từ giường sang xe và ngược lại cho người bệnh bị liệt tứ chi do tổn thương tủy sống	10	05	05
29.	Kỹ thuật di chuyển với dụng cụ trợ giúp cho người bệnh bị liệt hai chi dưới do tổn thương tủy sống	10	05	05
30.	Kỹ thuật di chuyển với dụng cụ trợ giúp cho người bệnh bị liệt tứ chi do tổn thương tủy sống	10	05	05
31.	Kỹ thuật tập theo tác vụ	10	10	10
32.	Tập các vận động thô của bàn tay	10	05	05
33.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh…)	10	05	05
34.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	10	05	05
35.	Kỹ thuật tập bắt buộc tay người bệnh bên liệt (CIMT)	10	05	05
36.	Kỹ thuật gương trị liệu	10	05	05
37.	Kỹ thuật lượng giá chức năng vận động chi trên bằng thang điểm ARAT	10	05	05
38.	Kỹ thuật lượng giá chức năng vận động bàn tay bằng trắc nghiệm Hộp và Khối (Box and Block test)	10	05	05
39.	Kỹ thuật lượng giá chức năng vận động bàn tay bằng trắc nghiệm 9 lỗ (Nine Hole Peg test)	10	05	05
40.	Đánh giá nhận thức bằng trắc nghiệm MoCA	10	05	05
41.	Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng cho người bệnh đột quỵ não	20	10	20

TT	Tên thủ thuật, kỹ thuật	Chỉ tiêu thực hành (số lượng tối thiểu)		
		Quan sát	Trợ giúp	Tự làm dưới sự hướng dẫn
42.	Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương tủy sống	20	10	20
43.	Các bài tập vận động cho cột sống cổ và cột sống thắt lưng	05	05	05
44.	Điều trị bằng Parafin	10	05	05
45.	Điều trị bằng tia hồng ngoại	10	05	05
46.	Điều trị bằng siêu âm	10	05	05
47.	Điều trị bằng sóng ngắn	10	05	05
48.	Điều trị bằng dòng điện xung	10	05	05
49.	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	10	05	05
50.	Điều trị bằng dòng TENS	10	05	05
51.	Điều trị bằng dòng giao thoa	10	05	05
52.	Kỹ thuật kéo giãn cột sống cổ và cột sống thắt lưng bằng máy	10	05	05
53.	Điều trị bằng điện từ trường	10	05	05

IV. Tài liệu và phương tiện phục vụ đào tạo

1 Tài liệu đào tạo

Tài liệu "Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng "

2. Phương tiện phục vụ đào tạo

Có phòng học, thiết bị âm thanh, ánh sáng và các phương tiện đảm bảo dùng tốt như: máy tính, máy chiếu, y dụng cụ, vật tư tiêu hao cho lý thuyết cũng như thực hành v.v.

V. Phương pháp dạy học

1. Phương pháp dạy/ học lý thuyết:

Giảng lý thuyết theo phương pháp dạy/học tích cực. Các học viên cần đọc giáo trình và các tài liệu tham khảo trước khi tham dự buổi giảng. Giảng viên thuyết trình, hướng dẫn học viên tự đọc tài liệu

2. Phương pháp dạy/ học thực hành /lâm sàng:

- Thảo luận nhóm, ca lâm sàng
- Xem băng video, đĩa CD, các video clip.

-Tham gia thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của các giảng viên chuyên khoa có kinh nghiệm.

VI. Tổ chức thực hiện

1 Tổng thời lượng đào tạo: 6 tháng, phân bố như sau:

- Tổng thời lượng thực hành: 6 tháng (tương đương 1068 tiết)
- Phân bổ thời lượng như sau:

TT	Nội dung	Thời lượng (tiết)
1.	Kiến thức cơ sở	52
2.	Vận động trị liệu	440
3.	Hoạt động trị liệu	160
4.	Vật lý trị liệu phục hồi chức năng người bệnh đột quỵ não và tổn thương tủy sống	128
5.	Các phương thức vật lý trị liệu	192
6.	Ôn tập, kiểm tra, đánh giá, khai giảng, bế giảng	96
	Tổng	**1068**